

**CÔNG TY CỔ PHẦN B.C.H**

**Km77+500, X.Kim Liên - H.Kim Thành - T.Hải Dương**

**Tel : 02203 560641 - Fax : 02203 560642**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
NĂM 2023**

❖ **Bao gồm:**

- |                                 |                 |
|---------------------------------|-----------------|
| - Bảng cân đối kế toán          | Mẫu số B01 - DN |
| - Kết quả hoạt động kinh doanh  | Mẫu số B02 - DN |
| - Lưu chuyển tiền tệ            | Mẫu số B03 - DN |
| - Thuyết minh báo cáo tài chính | Mẫu số B04 - DN |

**HẢI DƯƠNG, NĂM 2024**

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2023

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
<b>A. Tài sản ngắn hạn</b>	<b>100</b>		<b>1.080.653.342.821</b>	<b>381.195.918.646</b>
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		9.520.125.251	1.123.716.537
1. Tiền	111	V.01	9.520.125.251	1.123.716.537
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	82.766.953.487	82.766.953.487
1. Chứng khoán kinh doanh	121		9.766.953.487	9.766.953.487
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		0	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		73.000.000.000	73.000.000.000
III. Các khoản phải thu	130		751.812.120.848	99.026.971.125
1. Phải thu của khách hàng	131		638.209.117.994	166.525.761.531
2. Trả trước cho người bán	132		186.833.210.180	50.073.473
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ KH hợp đồng XD	134		-	-
6. Các khoản phải thu khác	136	V.03	2.872.855.027	8.554.198.474
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(76.103.062.353)	(76.103.062.353)
IV. Hàng tồn kho	140		235.623.518.631	197.333.944.826
1. Hàng tồn kho	141	V.04	236.123.974.902	197.834.401.097
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(500.456.271)	(500.456.271)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		930.624.604	944.332.671
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		575.624.604	944.332.671
3. Thuế và các khoản phải thu khác NN	154	V.05	355.000.000	0
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
<b>B. Tài sản dài hạn</b>	<b>200</b>		<b>1.106.379.332.402</b>	<b>222.114.003.691</b>
II. Tài sản cố định	220		204.182.041.092	222.114.003.691
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	204.182.041.092	222.114.003.691
- Nguyên giá	222		521.746.255.548	521.746.255.548
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(317.564.214.456)	(299.632.251.857)
- Nguyên giá	228		159.462.000	159.462.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(159.462.000)	(159.462.000)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		0	0
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		902.197.291.310	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		902.197.291.310	-
<b>Tổng cộng tài sản</b>	<b>270</b>		<b>2.187.032.675.223</b>	<b>603.309.922.337</b>

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A. Nợ phải trả	300		2.045.949.640.571	464.872.281.088
I. Nợ ngắn hạn	310		1.505.949.640.571	456.877.407.103
1. Phải trả cho người bán	311		555.140.439.586	302.391.292.288
2. Người mua trả tiền trước	312		204.469.204.614	-
3. Thuế & các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	-	-
4. Phải trả người lao động	314		203.184.097	178.669.002
5. Chi phí phải trả	315	V.17	1.916.870.973	220.571.529
6. Phải trả nội bộ	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ KH hợp đồng XD	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Các khoản phải trả phải nộp khác	319	V.18	114.239.771	5.165.739.771
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		743.994.444.837	148.809.877.820
11. Dự phòng phải trả phải ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322		111.256.693	111.256.693
II. Nợ dài hạn	330		540.000.000.000	7.994.873.985
1. Phải trả dài hạn cho người bán	331		0	7.994.873.985
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		0	0
B. Vốn chủ sở hữu	400	V.22	141.083.034.652	138.437.641.249
I. Vốn chủ sở hữu	410		141.083.034.652	138.437.641.249
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		190.000.000.000	190.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
10. Lợi nhuận chưa phân phối	421		(48.916.965.348)	-51.562.358.751
- LN chưa phân phối LK đến cuối kỳ trước	421a		-51.562.358.751	22.365.637.983
- LN chưa phân phối kỳ này	421b		2.645.393.403	0
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
<b>Tổng cộng nguồn vốn</b>	<b>440</b>		<b>2.187.032.675.223</b>	<b>603.309.922.337</b>

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, họ tên)

  
Nguyễn Thị Thúy Ngân

KẾ TOÁN TRƯỞNG

(Ký, họ tên)

  
Kế Toán Trương

Ngày 30 tháng 03 năm 2024

GIÁM ĐỐC

(Ký, họ tên, đóng dấu)



TỔNG GIÁM ĐỐC

*Dặng Ngọc Hưng*

**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Ngày 31 tháng 12 năm 2023

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	3.843.305.614.192	2.477.345.853.249
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		7.968.461.500	6.600.166.800
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		3.835.337.152.692	2.470.745.686.449
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.27	3.808.488.581.745	2.457.475.238.556
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		26.848.570.947	13.270.447.893
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	5.274.463.925	2.763.758.322
7. Chi phí tài chính	22	VI.28	24.104.883.991	9.396.238.665
Trong đó: Chi phí lãi đi vay	23		13.545.200.269	6.761.611.357
8. Chi phí bán hàng	24		1.552.933.085	1.121.435.706
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		3.930.824.393	79.605.119.806
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)]	30		2.534.393.403	-74.088.587.962
11. Thu nhập khác	31		111.000.000	162.000.152
12. Chi phí khác	32		0	1.408.924
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		111.000.000	160.591.228
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		2.645.393.403	-73.927.996.734
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.30	0	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.30		
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		2.645.393.403	-73.927.996.734
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70			

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, họ tên)

  
Nguyễn Thị Thuý Ngân

KẾ TOÁN TRƯỞNG

(Ký, họ tên)

  
Lê Thu Phương

Ngày 30 tháng 03 năm 2024

GIÁM ĐỐC

(Ký, họ tên, đóng dấu)

  
TỔNG GIÁM ĐỐC  
Dặng Ngọc Hương

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp trực tiếp)  
Năm 2023

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động SXKD</b>				
1. Tiền thu bán hàng, CCDV và doanh thu khác	01		3.567.522.910.051	2.308.960.084.423
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá, dịch vụ	02		-3.775.997.716.414	-2.316.937.253.345
3. Tiền chi trả cho công nhân viên	03		-1.514.745.975	-1.227.275.859
4. Tiền chi trả lãi vay	04		-13.944.504.544	-7.934.260.704
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		-355.000.000	-614.742.080
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		18.256.693.090	23.550.240.000
9. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		-23.733.900.704	-23.820.261.381
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động SXKD</b>	<b>20</b>		<b>-229.766.264.496</b>	<b>-18.023.468.946</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ & các TSDH khác	21		-	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ & các TSDH khác	22		0	0
3. Tiền chi cho vay, mua các CC nợ của đơn vị khác	23		-37.000.000.000	-32.000.000.000
4. Tiền thu cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		37.000.000.000	0
5. Tiền chi góp vốn vào đơn vị khác	25		(902.197.291.310)	-
6. Tiền thu hồi góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức lợi nhuận được chia	27		5.175.397.503	2.008.262.767
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>-897.021.893.807</b>	<b>-29.991.737.233</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu	32		0	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		1.594.449.592.050	454.040.324.843
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-459.265.025.033	-405.204.342.423
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>1.135.184.567.017</b>	<b>48.835.982.420</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>8.396.408.714</b>	<b>820.776.241</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>1.123.716.537</b>	<b>302.940.296</b>
ảnh hưởng của thay TGHĐ quy đổi ngoại tệ				
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)</b>	<b>70</b>		<b>9.520.125.251</b>	<b>1.123.716.537</b>

Ngày 30 tháng 03 năm 2024

NGƯỜI LẬP BIỂU  
(Ký, họ tên)

Nguyễn Thị Thuý Ngân

KẾ TOÁN TRƯỞNG  
(Ký, họ tên)

Lê Thu Phương

GIÁM ĐỐC  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

TỔNG GIÁM ĐỐC

Dặng Ngọc Hưng

**Công ty Cổ phần B.C.H**

Km 77+500, Quốc lộ 5, xã Kim Liên, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương

Điện thoại: 0220 3560641 Fax: 0220 3560642

*Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023*

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Năm 2023**

### **I/ Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp:**

**1- Hình thức sở hữu vốn:** *Cổ phần.*

**2- Lĩnh vực kinh doanh:** *Sản xuất, thương mại, dịch vụ.*

### **3- Ngành nghề kinh doanh:**

- *Sản xuất mua bán phôi thép; sản xuất mua bán các sản phẩm kim loại; sản xuất mua bán các vật liệu xây dựng.*

- *Khai thác, mua bán, chế biến khoáng sản (quặng sắt, quặng man gan, bô xít nhôm, fero, than cốc, than điện cực).*

- *Kinh doanh dịch vụ kho bãi; cân thuê; mua bán xe ô tô, xe máy, thiết bị máy công trình.*

- *Xây dựng công trình công nghiệp và dân dụng*

- *Sản xuất, mua bán giày giép, mua bán hàng nông, lâm, thủy hải sản.*

### **4- Đặc điểm hoạt động của DN trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính**

### **II- Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

**1- Kỳ kế toán năm:** *Bắt đầu từ ngày 01/01/2023 Kết thúc vào ngày 31/12/2023*

**2- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:** *Đồng Việt Nam (Ký hiệu là VNĐ)*

### **III- Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

#### **1- Chế độ kế toán áp dụng.**

*Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo thông tư 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT/BTC, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.*

#### **2- Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán.**

*Công ty đang áp dụng chuẩn mực kế toán Việt Nam và các qui định hiện hành.*

#### **3- Hình thức áp dụng kế toán.**

*Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán: Nhật ký chung.*

### **IV- Các chính sách kế toán áp dụng**

#### **1- Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:**

*Tiền mặt, tiền gửi.*

*Phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán:*

*Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản tiền có gốc ngoại tệ được Công ty quy đổi theo tỷ giá tại ngân hàng giao dịch.*

## **Công ty Cổ phần B.C.H**

Km 77+500, Quốc lộ 5, xã Kim Liên, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương

Điện thoại: 0220 3560641 Fax: 0220 3560642

*Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023*

*Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ & chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.*

### **2- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:**

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho:

+ Hàng tồn kho được đánh giá theo giá gốc, trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí thu mua & các chi phí và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

+ Các khoản chiết khấu thương mại & giảm giá hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất.

+ Chi phí bán hàng & Chi phí quản lý doanh nghiệp

- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho:

*Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.*

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:

*Công ty hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.*

- Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

### **3- Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ :**

- Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ (hữu hình, vô hình, thuê tài chính);

+ Chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc sử dụng tài sản đó

+ Nguyên giá tài sản cố định được xác định một cách đáng tin cậy.

+ Thời gian sử dụng trên một năm.

+ Tài sản có đủ tiêu chuẩn giá trị theo quy luật hiện hành.

*Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.*

- Phương pháp khấu hao TSCĐ (hữu hình, vô hình, thuê tài chính).

*Theo chế độ quản lý tài sản qui định tại thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013.*

*Công ty trích khấu hao tài sản cố định theo phương pháp khấu hao đường thẳng.*

### **4- Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư: (Công ty không có BĐS đầu tư)**

- Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư;

- Phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư.

### **5- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính:**

- Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, vốn góp vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Theo phương pháp giá gốc.

- Các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn;

- Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác;

- Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn.

### **6- Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay:**

- Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay;

- Tỷ lệ vốn hoá được sử dụng để xác định chi phí đi vay được vốn hoá trong kỳ.

## **Công ty Cổ phần B.C.H**

Km 77+500, Quốc lộ 5, xã Kim Liên, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương

Điện thoại: 0220 3560641 Fax: 0220 3560642

*Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023*

---

- Chi phí trả trước;
- Chi phí khác;
- Phương pháp phân bổ chi phí trả trước;
- Phương pháp và thời gian phân bổ lợi thế thương mại.

### **8- Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả.**

### **9- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả.**

- Đơn vị có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện xảy ra.
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến yêu cầu phải thanh toán.
- Đề ra một ước tính đáng tin cậy.

### **10- Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu:**

- Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, vốn khác của CSH.
  - + *Vốn đóng góp của các nhà đầu tư để thành lập mới hoặc mở rộng sản xuất kinh doanh.*
  - + *Thặng dư vốn cổ phần do phát hành cổ phiếu cao hơn hoặc thấp hơn mệnh giá.*
  - + *Các khoản nhận biếu tặng, tài trợ.*
- Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch đánh giá lại tài sản (*Đơn vị không đánh giá lại tài sản*).
- Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch tỷ giá.
  - Đơn vị hạch toán chênh lệch tỷ giá theo chuẩn mực số 10 ban hành theo QĐ 165/2002/QĐ-BTC và thông tư 179/2012/TT-BTC ngày 24/10/2012 của bộ tài chính.*
- Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối.
  - Căn cứ vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ thuộc các năm trước.*

### **11- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu:**

- Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn các điều kiện sau:
  - + *Đơn vị đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hàng hoá cho người mua.*
  - + *Đơn vị không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá, quyền kiểm soát hàng hoá.*
  - + *Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.*
  - + *Đơn vị đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ các giao dịch bán hàng.*
  - + *Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.*
- Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi:
  - + *Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.*
  - + *Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ các giao dịch cung cấp dịch vụ đó.*
  - + *Xác định được phần công việc đã hoàn thành.*
  - + *Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.*
- Doanh thu hoạt động tài chính;
  - Doanh thu phát sinh từ tiền lãi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thoả mãn đồng thời 2 điều kiện sau:*



**Công ty Cổ phần B.C.H**

Km 77+500, Quốc lộ 5, xã Kim Liên, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương

Điện thoại: 0220 3560641 Fax: 0220 3560642

*Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023*

- + Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó
- + Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

**12- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính.**

- Các khoản chi phí hoặc lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính
- Các khoản chi phí cho vay và đi vay vốn.
- Chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chiết khấu ngắn hạn.
- Chi phí giao dịch bán chứng khoán.
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán, khoản lỗ phát sinh bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái.

**13- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.**

*Đơn vị hạch xác định theo chuẩn mực số 17 ban hành theo QĐ 12/2005/QĐ-BTC ngày 15/02/2005 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.*

**14- Các nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái.**

**15- Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác.**

**\* Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:**

- Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ và các khoản thu khác tại thời điểm báo cáo phân loại là:

+ Tài sản ngắn hạn nếu có thời hạn thanh toán dưới một năm.

+ Tài sản dài hạn nếu có thời hạn thanh toán trên một năm

- Trích lập dự phòng phải thu khó đòi:

*Dự phòng phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Trong năm đơn vị không có khoản phải thu nào cần phải lập dự phòng.*

**\* Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác:**

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo được phân loại như sau:

- Nợ ngắn hạn nếu có thời hạn thanh toán dưới một năm.

- Nợ dài hạn nếu có thời hạn thanh toán trên một năm.

**\*Phân phối lợi nhuận:**

*Lợi nhuận của đơn vị trước khi phân chia cổ tức cho các cổ đông (nộp về đơn vị cấp trên) phải trích lập các quỹ như: Quỹ đầu tư phát triển; quỹ dự phòng tài chính; quỹ khen thưởng, phúc lợi cho những năm sau cho đến khi đạt mức quy định. Hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng quy chế phân phối lợi nhuận và sử dụng các quỹ để trình đại hội cổ đông quyết định cho từng năm. Số cổ tức được chia cho các cổ đông theo phần vốn góp. Tùy tình hình đặc điểm kinh doanh cho phép Hội đồng quản trị có thể tạm ứng cổ tức cho các cổ đông theo thời gian từ 06 tháng đến 01 năm.*

**Công ty Cổ phần B.C.H**

Km 77+500, Quốc lộ 5, xã Kim Liên, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương

Điện thoại: 0220 3560641 Fax: 0220 3560642

*Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023***V- Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong: Bảng cân đối kế toán**

		<i>DVT: Đồng</i>
	<b>Cuối năm</b>	<b>Đầu năm</b>
<b>01- Tiền</b>		
- Tiền mặt	3.433.109.985	874.955.577
- Tiền gửi ngân hàng	6.087.015.266	248.760.960
- Tiền đang chuyển		
<b>Cộng</b>	<b>9.520.125.251</b>	<b>1.123.716.537</b>
<b>02- Các khoản đầu t tài chính ngắn hạn:</b>	<b>Cuối năm</b>	<b>Đầu năm</b>
a) Chứng khoán kinh doanh	9.766.953.487	9.766.953.487
- Giá trị cổ phiếu	9.766.953.487	9.766.953.487
- Dự phòng giảm chứng khoán	-	-
b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	73.000.000.000	73.000.000.000
- Ngắn hạn	73.000.000.000	73.000.000.000
- Dài hạn		
<b>Cộng</b>	<b>82.766.953.487</b>	<b>82.766.953.487</b>
<b>03- Phải thu khách hàng:</b>	<b>Cuối năm</b>	<b>Đầu năm</b>
- Phải thu khách hàng ngắn hạn	638.209.117.994	166.525.761.531
- Phải thu khách hàng dài hạn	-	-
- Dự phòng phải thu khó đòi	(76.103.062.353)	(76.103.062.353)
<b>Cộng</b>	<b>562.106.055.641</b>	<b>141.036.628.227</b>
<b>04- Phải thu khác:</b>	<b>Cuối năm</b>	<b>Đầu năm</b>
a) Ngắn hạn	189.706.065.207	8.604.271.947
- Phải thu về cổ phần hoá	-	-
- Trả trước cho người bán	186.833.210.180	50.073.473
- Phải thu người lao động		
- Ký quỹ, ký cược ngắn hạn		5.000.000.000
- Phải thu khác	2.872.855.027	3.554.198.474
b) Dài hạn	-	-
- Phải thu về cổ phần hoá	-	-
- Trả trước cho người bán	-	-

**Công ty Cổ phần B.C.H**

Km 77+500, Quốc lộ 5, xã Kim Liên, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương

Điện thoại: 0220 3560641 Fax: 0220 3560642

*Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023*

- Phải thu người lao động	-	-
- Ký quỹ, ký cược dài hạn	-	-
<b>Cộng</b>	<b>189.706.065.207</b>	<b>8.604.271.947</b>
<b>07- Hàng tồn kho</b>	<b>Cuối năm</b>	<b>Đầu năm</b>
- Hàng mua đang đi trên đường	-	-
- Nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa	227.074.324.449	188.784.750.644
- Công cụ, dụng cụ	9.049.650.453	9.049.650.453
- Chi phí SX, KD dở dang		
- Thành phẩm	-	-
- Hàng gửi đi bán	-	-
- Hàng hoá kho bảo thuế	-	-
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(500.456.271)	(500.456.271)
<b>Cộng giá gốc hàng tồn kho</b>	<b>235.623.518.631</b>	<b>197.333.944.826</b>
* Giá trị hàng tồn ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ, nguyên nhân và hướng xử lý;	-	-
* Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản nợ phải trả;	-	-
* Lý do dẫn đến phải trích thêm hoặc hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.	-	-
<b>08- Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>Cuối năm</b>	<b>Đầu năm</b>
- Chi phí SX, KD dở dang dài hạn	-	-
- Xây dựng cơ bản dở dang	-	-
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**Công ty Cổ phần B.C.H**

Km 77+500, Quốc lộ 5, xã Kim Liên, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương

Điện thoại: 0220 3560641 Fax: 0220 3560642

*Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023***09- Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình:**

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
<b>I-Nguyên giá TSCĐ</b>					
<b>1-Số dư đầu năm</b>	124.350.517.315	380.243.751.189	16.081.257.326	1.070.729.718	521.746.255.548
<b>2-Số tăng trong năm</b>	-	-	-	-	-
- Mua trong năm	-	-	-	-	-
- Đầu tư XD/CB hoàn thành	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-
<b>3-Số giảm trong năm</b>	-	-	-	-	-
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
<b>4-Số dư cuối năm</b>	124.350.517.315	380.243.751.189	16.081.257.326	1.070.729.718	521.746.255.548
<b>II-Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
<b>1-Số dư đầu năm</b>	87.346.857.159	195.133.407.654	16.081.257.326	1.070.729.718	299.632.251.857
<b>2-Số tăng trong năm</b>	3.670.768.395	14.261.194.204	0	0	17.931.962.599
- Khấu hao trong năm	3.670.768.395	14.261.194.204	0	0	17.931.962.599
- Tăng khác	-	-	-	-	-
<b>3-Số giảm trong năm</b>	-	-	-	-	-
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
<b>4-Số dư cuối năm</b>	91.017.625.554	209.394.601.858	16.081.257.326	1.070.729.718	317.564.214.456
<b>III-Giá trị còn lại của TSCĐ</b>					
<b>1-Tại ngày đầu năm</b>	37.003.660.156	185.110.343.535	0	-	222.114.003.691
<b>2-Tại ngày cuối năm</b>	33.332.891.761	170.849.149.331	-	-	204.182.041.092

**Công ty Cổ phần B.C.H**

Km 77+500, Quốc lộ 5, xã Kim Liên, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương

Điện thoại: 0220 3560641 Fax: 0220 3560642

*Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023***10- Tăng, giảm tài sản cố định vô hình:**

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Bản quyền, bằng sáng chế	TSCĐ vô hình khác	Tổng cộng
<b>I-Nguyên giá TSCĐ</b>	-	-	-	-	-
<b>1-Số dư đầu năm</b>				159.462.000	159.462.000
<b>2-Số tăng trong năm</b>	-	-	-	-	-
- Mua trong năm					
- Đầu tư XD/CB hoàn thành					
- Tăng khác					
<b>3-Số giảm trong năm</b>	-	-	-	-	-
- Chuyển sang BĐS đầu tư					
- Thanh lý, nhượng bán					
- Giảm khác					
<b>4-Số dư cuối năm</b>	-	-	-	159.462.000	159.462.000
<b>II-Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
<b>1-Số dư đầu năm</b>	-	-	-	159.462.000	159.462.000
<b>2-Số tăng trong năm</b>	-	-	-	-	-
- Khấu hao trong năm				-	-
- Tăng khác				-	-
<b>3-Số giảm trong năm</b>	-	-	-	-	-
- Chuyển sang BĐS đầu tư					
- Thanh lý, nhượng bán					
- Giảm khác					
<b>4-Số dư cuối năm</b>	-	-	-	159.462.000	159.462.000
<b>III-Giá trị còn lại của TSCĐ</b>					
- Tại ngày đầu năm					
- Tại ngày cuối năm					

**13- Chi phí trả trước****Cuối năm****Đầu năm**

**Công ty Cổ phần B.C.H**

Km 77+500, Quốc lộ 5, xã Kim Liên, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương

Điện thoại: 0220 3560641 Fax: 0220 3560642

*Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023*

<b>15- Vay và nợ thuê tài chính</b>	<b>Cuối năm</b>	<b>Đầu năm</b>
- Vay ngắn hạn	743.994.444.837	148.809.877.820
- Vay dài hạn	540.000.000.000	
<b>Cộng</b>	<b>1.283.994.444.837</b>	<b>148.809.877.820</b>
<b>16- Phải trả người bán</b>	<b>Cuối năm</b>	<b>Đầu năm</b>
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	555.140.439.586	302.391.292.288
b) Các khoản phải trả người bán dài hạn		7.994.873.985
<b>Cộng</b>	<b>555.140.439.586</b>	<b>310.386.166.273</b>
<b>17- Thuế và các khoản phải nộp nhà nước</b>	<b>Cuối năm</b>	<b>Đầu năm</b>
a) Phải nộp		
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp		
- Thuế thu nhập doanh nghiệp		
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác		
<b>Cộng</b>		
b) Phải thu	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	355.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>355.000.000</b>	
<b>18- Chi phí phải trả</b>	<b>Cuối năm</b>	<b>Đầu năm</b>
- Trích trước chi phí tiền lương trong thời gian nghỉ phép	-	-
- Chi phí lãi suất phải trả	1.916.870.973	220.571.529
- Chi phí bảo lãnh	-	-
<b>Cộng</b>	<b>1.916.870.973</b>	<b>220.571.529</b>
<b>19- Phải trả khác</b>	<b>Cuối năm</b>	<b>Đầu năm</b>
a) Ngắn hạn		
- Tài sản thừa chờ giải quyết	-	-
- Kinh phí công đoàn	114.239.771	165.739.771
- Bảo hiểm xã hội	-	-

**Công ty Cổ phần B.C.H**

Km 77+500, Quốc lộ 5, xã Kim Liên, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương

Điện thoại: 0220 3560641 Fax: 0220 3560642

*Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023*

- Bảo hiểm y tế	-	-
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn		5.000.000.000

**Cộng****5.165.739.771**

b) Dài hạn

**Cuối năm****Đầu năm****Cộng**

-

**24- Quỹ khen thưởng, phúc lợi****Cuối năm****Đầu năm**

- Quỹ khen thưởng, phúc lợi

111.256.693

111.256.693

**Cộng****111.256.693****111.256.693****25- Vốn chủ sở hữu****a - Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của CSH	CL tỷ giá hối đoái	Cộng
A	1	2	3	6	9
<b>Số dư đầu kỳ năm trước</b>	<b>138.437.641.249</b>	-	-	-	<b>138.437.641.249</b>
- Vốn chủ sở hữu	190.000.000.000				190.000.000.000
- Lợi nhuận đầu năm trước	22.365.637.983				22.365.637.983
- Lợi nhuận trong năm trước					
- Giảm vốn trong năm trước					
- Lỗ chênh lệch tỷ giá					
- Lỗ trong năm trước	-73.927.996.734				-73.927.996.734
- Trích lập các quỹ					
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>138.437.641.249</b>	-	-	-	<b>138.437.641.249</b>
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>138.437.641.249</b>	-	-	-	<b>138.437.641.249</b>
- Tăng vốn trong năm nay					
- Lãi trong năm nay	2.645.393.403				2.645.393.403
- Tăng khác					
- Lỗ trong năm nay					
- Trích lập các quỹ					
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>141.083.034.652</b>	-	<b>0</b>	-	<b>141.083.034.652</b>

**Công ty Cổ phần B.C.H**

Km 77+500, Quốc lộ 5, xã Kim Liên, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương

Điện thoại: 0220 3560641 Fax: 0220 3560642

*Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023*

<b>b- Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>	<b>Cuối năm</b>	<b>Đầu năm</b>
- Vốn góp của các đối tượng khác	190.000.000.000	190.000.000.000
- Vốn khác của chủ sở hữu		
<b>Cộng</b>	<b>190.000.000.000</b>	<b>190.000.000.000</b>
* Giá trị trái phiếu đã chuyển thành cổ phiếu trong năm		
* Số lượng cổ phiếu quỹ:		
c- Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận	<b>Cuối năm</b>	<b>Đầu năm</b>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	190.000.000.000	190.000.000.000
+ Vốn góp đầu năm	190.000.000.000	190.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	
+ Vốn góp giảm trong năm		
+ <b>Vốn góp cuối năm</b>	190.000.000.000	190.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia		

**VII- Thông tin bổ xung cho các khoản mục trình bày trong: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh***ĐVT: VNĐ*

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
<b>1- Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>3.843.305.614.192</b>	<b>2.477.345.853.249</b>
a) Doanh thu		
- Doanh thu bán hàng	3.831.862.885.456	2.442.258.647.144
- Doanh thu bán thành phẩm	-	-
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	11.442.728.736	35.087.206.105
- Doanh thu hợp đồng xây dựng		
+ Tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng được ghi nhận đến thời điểm lập báo cáo tài chính		
<b>2- Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>7.968.461.500</b>	<b>6.600.166.800</b>
Trong đó:		
- Chiết khấu thương mại	-	-
- Giảm giá hàng bán	-	-
- Hàng bán bị trả lại	7.968.461.500	6.600.166.800
- Thuế tiêu thụ đặc biệt		



**Công ty Cổ phần B.C.H**

Km 77+500, Quốc lộ 5, xã Kim Liên, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương

Điện thoại: 0220 3560641 Fax: 0220 3560642

*Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023*

- Thuế xuất khẩu

**3- Giá vốn hàng bán**

- Giá vốn của hàng hoá đã bán

**Năm nay****Năm trước**

3.784.125.786.538

2.416.337.566.092

- Giá vốn của thành phẩm đã bán

-

-

- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp

24.362.795.207

41.137.672.464

- Chi phí kinh doanh Bất động sản đầu tư

- Hao hụt, mất mát hàng tồn kho

- Các khoản chi phí vượt mức bình thường

- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

**Cộng****3.808.488.581.745****2.457.475.238.556****4- Doanh thu hoạt động tài chính****Năm nay****Năm trước**

- Lãi tiền gửi, tiền cho vay

5.274.135.484

2.763.409.793

- Lãi đầu tư trái phiếu, kỳ phiếu, cổ phiếu

-

-

- Lãi bán hàng trả chậm

-

-

- Doanh thu hoạt động tài chính khác

328.441

348.529

**Cộng****5.274.463.925****2.763.758.322****5- Chi phí tài chính****Năm nay****Năm trước**

- Lãi tiền vay

13.545.200.269

6.761.611.357

- Chiết khấu thanh toán

- Chi phí bảo lãnh, lãi bán hàng trả chậm

10.554.181.347

2.630.496.749

- Lỗ chênh lệch tỷ giá

- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh

- Chi phí tài chính khác

5.502.375

4.130.559

**Cộng****24.104.883.991****9.396.238.665****6- Thu nhập khác****Năm nay****Năm trước**

- Thanh lý nhượng bán tài sản

- Lãi do đánh giá lại tài sản

- Tiền phạt thu được

- Thuế được giảm

- Các khoản khác

111.000.000

162.000.152

**Cộng****111.000.000****162.000.152****7- Chi phí khác****Năm nay****Năm trước**

- Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý

- Lỗ đánh giá lại tài sản

-

-

**Công ty Cổ phần B.C.H**

Km 77+500, Quốc lộ 5, xã Kim Liên, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương

Điện thoại: 0220 3560641 Fax: 0220 3560642

*Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023*

- Các khoản bị phạt, chậm nộp, truy thu thuế		1.408.924
- Các khoản khác		
<b>Cộng</b>		<b>1.408.924</b>
<b>8- Chi phí bán hàng và chi phí quản lý</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
a) Các khoản chi phí QLDN	3.930.824.393	79.605.119.806
b) Các khoản chi phí bán hàng	1.552.933.085	1.121.435.706
b) Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng, CP QLDN	-	-
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	-	-
- Chi phí khác bằng tiền	-	-
<b>Cộng</b>	<b>5.483.757.478</b>	<b>80.726.555.512</b>
<b>10- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	2.645.393.403	(73.927.996.734)
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay		
- Điều chỉnh tăng chi phí không hợp lệ		1.408.924
- Điều chỉnh giảm – cổ tức lợi nhuận được chia		
- Thu nhập chịu thuế TNDN	2.645.393.403	(73.926.587.810)
- Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
<b>11- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế		
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại		
- Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ		
- Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng		
- Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả		
- Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		

**VIII- Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong: Báo cáo lưu chuyển tiền tệ***DVT: VNĐ***1- Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng**

a- Mua tài sản bằng cách nhận các khoản nợ liên quan trực tiếp hoặc thông qua nghiệp vụ cho thuê tài chính:	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
---	----------------	------------------

**Công ty Cổ phần B.C.H**

Km 77+500, Quốc lộ 5, xã Kim Liên, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương

Điện thoại: 0220 3560641 Fax: 0220 3560642


*Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023*

- Mua doanh nghiệp thông qua phát hành cổ phiếu:
- Chuyển nợ thành vốn chủ sở hữu:
- b- Mua và thanh lý công ty con hoặc đơn vị kinh doanh
  - Tổng giá trị mua hoặc thanh lý;
  - Phần giá trị mua hoặc thanh lý được thanh toán bằng tiền và các khoản tương đương tiền;
  - Số tiền và các khoản tương đương tiền thực có trong công ty con hoặc đơn vị kinh doanh khác được mua hoặc thanh lý;
    - Phần giá trị tài sản (Tổng hợp theo từng loại tài sản) và nợ phải trả không phải là tiền và các khoản tương đương tiền trong công ty con hoặc đơn vị kinh doanh khác được mua hoặc thanh lý trong kỳ.
- c- Trình bày giá trị và lý do của các khoản tiền và tương đương tiền lớn do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng do có sự hạn chế của pháp luật hoặc các ràng buộc khác mà doanh nghiệp phải thực hiện.

**IX- Những thông tin khác**

- 1- Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác:
- 2- Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm:
- 3- Thông tin về các bên liên quan:
- 4- Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận (theo lĩnh vực kinh doanh hoặc khu vực địa lý) theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 "Báo cáo bộ phận"(2):
- 5- Thông tin so sánh (những thay đổi về thông tin trong báo cáo tài chính của các niên độ kế toán trước):
- 6- Thông tin về hoạt động liên tục:
- 7- Những thông tin khác. (3):

Người lập biểu  
(Ký, ghi rõ họ tên)

  
Nguyễn Thị Thúy Ngân

Kế toán trưởng  
(Ký, ghi rõ họ tên)

  
Lê Đan Phượng

Lập, ngày 30 tháng 03 năm 2024

Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)



TỔNG GIÁM ĐỐC  
Đặng Ngọc Hương